

Số: /BC-CTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày

tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
QUÝ IV VÀ NĂM 2022

Tại thời điểm tháng 12/2022, hầu hết các tổ chức quốc tế điều chỉnh mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2022 so với các dự báo đưa ra trước đó, đồng thời điều chỉnh giảm mức tăng trưởng năm 2023 thấp hơn so với năm 2022¹. Kinh tế Thế giới đang phải đối mặt với những thách thức ngày càng lớn: Tăng trưởng đã mất đà, lạm phát cao diễn ra dai dẳng, niềm tin suy yếu và tính bất ổn cao, xung đột tại Ukraine đã đẩy giá cả lên cao, đặc biệt giá năng lượng, các điều kiện tài chính toàn cầu bị thắt chặt đáng kể. Mặc dù tác động của đại dịch đã giảm ở hầu hết các quốc gia, nhưng làn sóng kéo dài của nó vẫn tiếp tục làm gián đoạn hoạt động kinh tế, đặc biệt là ở Trung Quốc vẫn áp đặt các biện pháp phong tỏa nhằm ngăn chặn dịch Covid-19 và ngành bất động sản của nước này đang suy yếu.

Sau 02 năm chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19, kinh tế Việt Nam đã vượt qua những khó khăn, cản trở, đối diện với nhiều thách thức hơn là thuận lợi. Báo cáo Chính phủ ước tính GDP năm 2022 tăng khoảng 8% và vượt kế hoạch đề ra (6-6,5%). Ngân hàng thế giới (WB) dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 đạt 7,2% cao nhất trong khu vực, thay vì 5,3% như dự báo hồi tháng 4; ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế của Việt Nam lên mức 7,5% (cao hơn so với mức dự báo hồi tháng Chín là 6,5%); IMF dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2022 đạt 7-7,5% và lạm phát trung bình thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4%.

Năm 2022 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với Thành phố, là năm phục hồi kinh tế - xã hội sau tác động của đại dịch Covid-19, tạo tiền đề để thực hiện các mục tiêu của kế hoạch 5 năm 2021 – 2025. Từ mức giảm sâu 5,36% của năm 2021 (chưa từng có trong lịch sử), đến nay Thành phố có tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh và cao hơn mức tăng trưởng chung cả nước.

¹ Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) giữ nguyên dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu ở mức 3,2% trong năm 2022 so với thời điểm tháng 7/2022, nhưng giảm 0,2 điểm phần trăm dự báo tăng trưởng năm 2023, đạt mức 2,7%. Fitch Ratings điều chỉnh tăng 0,2 điểm phần trăm dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2022 so với dự báo trong tháng 9/2022, đạt 2,6% trước khi giảm xuống còn 1,4% trong năm 2023. Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 đạt 3,1%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2022 và sẽ chậm lại ở mức 2,2% vào năm 2023

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ (GRDP)

Tổng sản phẩm trên địa bàn GRDP năm 2022 ước đạt 1.479.227 tỷ đồng (theo giá hiện hành). Tính theo giá so sánh 2010 đạt 1.021.894 tỷ đồng, tăng 9,03% so với cùng kỳ.

- Khu vực nông lâm thủy sản tăng 3,74%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,95%, trong đó công nghiệp tăng 12,92%; khu vực thương mại dịch vụ tăng 8,37%; thuế sản phẩm tăng 7,41%.

- Ngoại trừ ngành y tế và cứu trợ xã hội có mức tăng trưởng âm 2,77%, các ngành còn lại đều có mức tăng trưởng khá như: Bán buôn, bán lẻ tăng 10,47%; vận tải, kho bãi tăng 5,2%; thông tin và truyền thông tăng 9,13%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,77%; kinh doanh bất động sản tăng 4,42%; dịch vụ hoạt động chuyên môn KHCN tăng 6,04%; giáo dục và đào tạo tăng 5,45%. Riêng ngành dịch vụ lưu trú, ăn uống có mức tăng cao nhất (+47,05%) so với cùng kỳ.

Tổng sản phẩm trên địa bàn năm 2022

	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá hiện hành)	Tổng GRDP (Tỷ đồng - giá so sánh 2010)	Tốc độ tăng so với cùng kỳ năm 2021 (%)
Tổng số	1.479.227	1.021.894	9,03
Chia theo khu vực			
- Nông lâm thủy sản	8.390	4.650	3,74
- Công nghiệp và xây dựng	326.248	235.799	11,95
+ Công nghiệp	267.757	198.271	12,92
+ Xây dựng	58.491	37.528	7,12
- Thương mại - Dịch vụ	947.044	650.256	8,37
- Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sp	197.545	131.189	7,41

Trong mức tăng trưởng chung 9,03% của nền kinh tế: Khu vực nông lâm thủy sản đóng góp 0,02 điểm phần trăm; khu vực công nghiệp và xây dựng đóng góp 2,68 điểm phần trăm, trong đó công nghiệp góp 2,41 điểm phần trăm; khu vực thương mại dịch vụ đóng góp 5,36 điểm phần trăm; thuế sản phẩm đóng góp 0,97 điểm phần trăm.

Về cơ cấu kinh tế, xét theo giá hiện hành: Khu vực nông lâm thủy sản chiếm tỷ trọng 0,6%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm tỷ trọng 22,1%; khu vực thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng 64,0%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 13,3%.

*** Về tỷ trọng đóng góp của 09 ngành dịch vụ trọng yếu trong GRDP của Thành phố năm 2022**

	GRDP giá hiện hành (Tỷ đồng)	Tỷ trọng so với GRDP (%)	Tỷ trọng nội bộ ngành của khu vực dịch vụ (%)
Khu vực dịch vụ	947.044	64,0	100
Trong đó 9 ngành dịch vụ	867.915	58,7	91,7
G. Thương nghiệp bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy	242.343	16,4	25,6
H. Vận tải kho bãi	129.149	8,7	13,6
I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	18.597	1,3	2,0
J. Thông tin và truyền thông	74.830	5,1	8,0
K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	149.425	10,1	15,8
L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	54.491	3,7	5,8
M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	78.757	5,3	8,3
P. Giáo dục và đào tạo	55.177	3,7	5,8
Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	65.146	4,4	6,9

Chín ngành dịch vụ chủ yếu chiếm 58,7% trong GRDP, chiếm 91,7% trong khu vực dịch vụ. Trong đó, 04 ngành chiếm tỷ trọng cao trong GRDP là thương nghiệp (16,4%), vận tải kho bãi (8,7%), tài chính ngân hàng (10,1%), hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ (5,3%) - đây là những ngành là chủ đạo chiếm 40,5% trong GRDP, chiếm 63,3% nội bộ khu vực dịch vụ.

Có 3/9 ngành dịch vụ có mức tăng trưởng dương cao hơn 9,03% so với cùng kỳ gồm:

- Ngành thương nghiệp tăng 10,47%, chiếm 16,4% trong tổng GRDP và 25,6% trong khu vực dịch vụ;
- Ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 47,05%, chiếm 1,3% trong tổng GRDP và 2% trong khu vực dịch vụ;
- Ngành thông tin truyền thông tăng 9,13%, chiếm 5,1% trong tổng GRDP và 8,0% trong khu vực dịch vụ.

II. TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG

2.1. Thu chi ngân sách

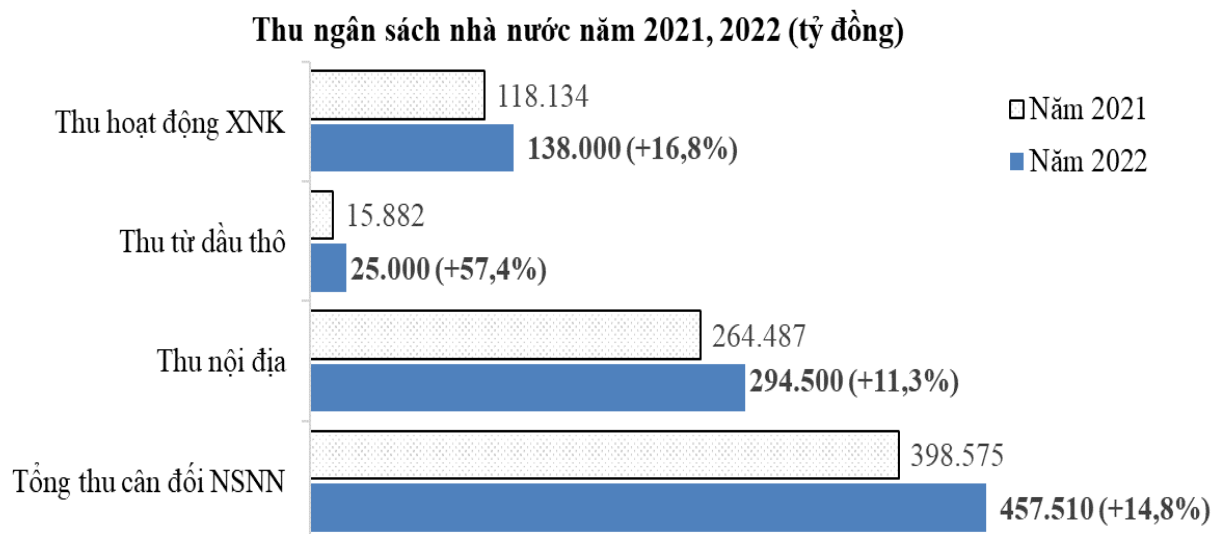
Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố năm 2022 tăng 14,8% so với năm 2021 và chi ngân sách địa phương giảm 32,0%.

Tổng thu cân đối ngân sách Nhà nước năm 2022 ước thực hiện 457.510 tỷ đồng, vượt 18,4% dự toán và tăng 14,8% so với năm 2021. Cụ thể:

- Thu nội địa ước thực hiện 294.500 tỷ đồng, vượt 13,5% dự toán, chiếm 64,4% tổng thu cân đối và tăng 11,3% so với năm 2021. Trong đó: Thu từ doanh nghiệp nhà nước ước thực hiện 31.863 tỷ đồng, vượt 21,4% dự toán, chiếm 7,0% tổng thu và tăng 18,2%; thu từ khu vực ngoài nhà nước ước thực hiện 75.010 tỷ đồng, vượt 11,5% dự toán, chiếm 16,4% tổng thu và tăng 16,5%; thu từ khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước thực hiện 78.112 tỷ đồng, vượt 11,5% dự toán, chiếm 17,1% tổng thu và tăng 3,9%.

- Thu từ dầu thô ước thực hiện 25.000 tỷ đồng, vượt 138,1% dự toán, chiếm 5,5% tổng thu cân đối và tăng 57,4%.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu ước thực hiện 138.000 tỷ đồng, vượt 18,5% dự toán, chiếm 30,2% tổng thu cân đối và tăng 16,8%.

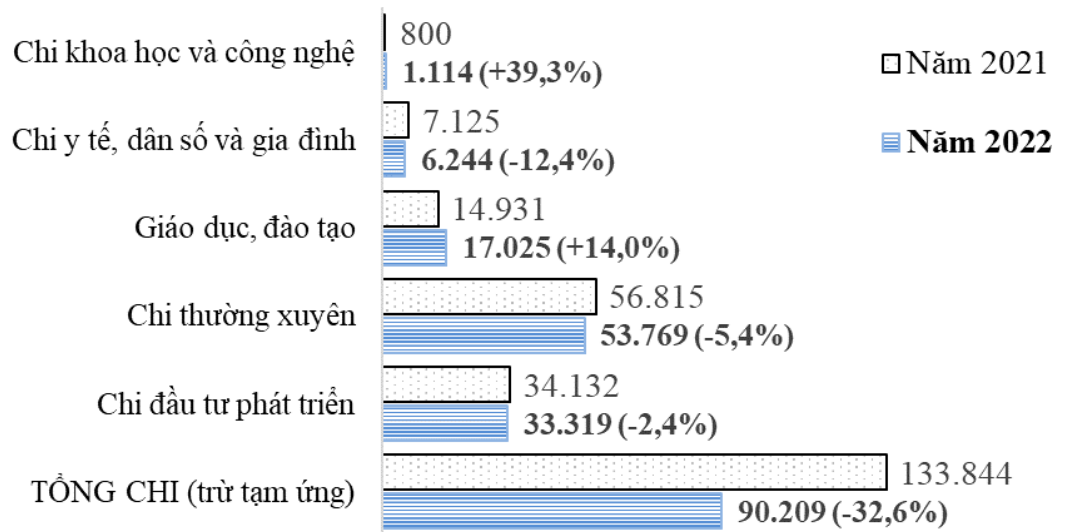


Tổng chi ngân sách địa phương (trừ tạm ứng) năm 2022 ước thực hiện 90.209 tỷ đồng, đạt 90,5% dự toán và giảm 32,6% so với năm 2021. Trong đó, tổng chi cân đối ngân sách địa phương ước thực hiện 87.955 tỷ đồng, đạt 90,9% dự toán và giảm 32,0% so với năm 2021. Cụ thể:

- Chi đầu tư phát triển ước thực hiện 33.319 tỷ đồng và giảm 2,4%.

- Chi thường xuyên ước thực hiện 53.769 tỷ đồng và giảm 5,4%. Trong đó, chi cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề ước thực hiện 17.025 tỷ đồng và tăng 14,0%; chi cho sự nghiệp y tế ước thực hiện 6.244 tỷ đồng và giảm 12,4%; chi khoa học và công nghệ ước thực hiện 1.114 tỷ đồng, tăng 39,3%.

Chi ngân sách địa phương năm 2021, 2022 (tỷ đồng)



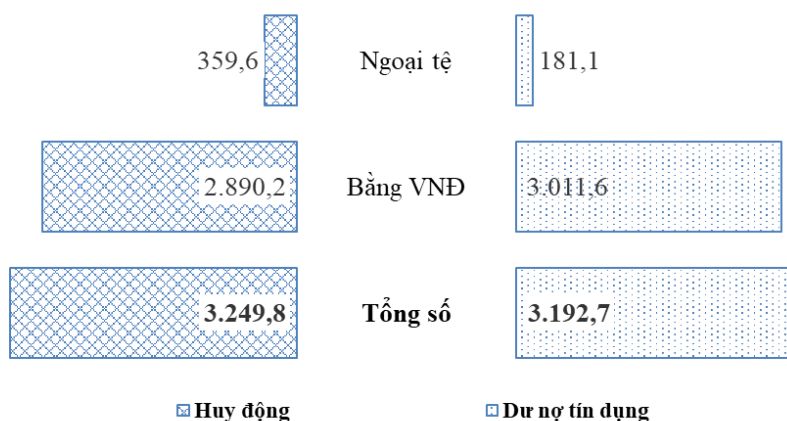
2.2. Ngân hàng

Tổng vốn huy động tính đến ngày 01/12/2022 đạt 3.249,8 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% so với thời điểm 31/12/2021 và tăng 6,1% so với cùng kỳ. Trong đó:

Vốn huy động bằng VNĐ đạt 2.890,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 88,9% tổng vốn huy động, tăng 3,3% so với thời điểm 31/12/2021 và tăng 6,0% so với cùng kỳ.

Vốn huy động bằng ngoại tệ đạt 359,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 11,1% tổng vốn huy động, tăng 3,9% so với thời điểm 31/12/2021 và tăng 7,2% so với cùng kỳ.

Tổng vốn huy động và dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ
(tính đến 01/12/2022 - Đvt: Nghìn tỷ đồng)



Tổng dư nợ tín dụng của các tổ chức tín dụng trên địa bàn Thành phố tính đến ngày 01/12/2022 đạt 3.192,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,7% so với thời điểm 31/12/2021 và tăng 16,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

Tổng dư nợ tín dụng phân theo loại tiền tệ, cụ thể:

- Dự nợ tín dụng bằng VND đạt 3.011,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 94,3% tổng dự nợ toàn hệ thống, tăng 14,3 so với thời điểm 31/12/2021 và tăng 18,3% so với cùng kỳ.

- Dự nợ tín dụng bằng ngoại tệ đạt 181,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 5,7%, giảm 9,5% so với thời điểm 31/12/2021 và tăng 7,0% so với cùng kỳ.

Tổng dự nợ tín dụng phân theo kỳ hạn tín dụng, cụ thể:

- Dự nợ ngắn hạn đạt 1.424,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 44,6% tổng dự nợ tín dụng, tăng 10,0% và tăng 13,6% so với cùng kỳ.

- Dự nợ trung hạn, dài hạn đạt 1.768,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 55,4% tổng dự nợ, tăng 14,9% so với thời điểm 31/12/2021 và tăng 19,0% so với cùng kỳ.

2.3. Chứng khoán

Số lượng tài khoản mở mới của nhà đầu tư cá nhân trong nước trong tháng 11/2022 tiếp tục giảm 8,2% so với tháng trước nhưng giao dịch tăng 31,9% về khối lượng và tăng 5,5% về giá trị. Trong tháng chứng kiến thị trường giao dịch ảm đạm và xác lập đáy mới của năm 2022 với 911.90 điểm vào ngày 15/11/2022. Kết thúc phiên giao dịch cuối cùng tháng 11/2022, VN-Index phục hồi với 1.048,42 điểm, tăng 2,0% so với tháng trước và giá trị vốn hóa tăng 2,0%.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 30/11/2022, số lượng mã chứng khoán giao dịch theo phương thức khớp lệnh trên sàn giao dịch Thành phố Hồ Chí Minh (Hose) là 510 mã chứng khoán bao gồm: 327 mã cổ phiếu, 13 mã chứng chỉ quỹ, 169 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh đã giảm 04 mã cổ phiếu, 10 mã chứng quyền và tăng 03 mã chứng chỉ quỹ so với tháng trước. Trong tháng 11/2022, có 16 mã chứng khoán hủy niêm yết trên sàn Hose (gồm 01 mã cổ phiếu, 15 mã chứng quyền).

Trong tháng 11 năm 2022 có 22 phiên giao dịch được thực hiện với tổng khối lượng đạt 16.460,2 triệu chứng khoán và giá trị đạt 256.851,3 tỷ đồng. Tổng giao dịch tăng 31,9% về khối lượng và tăng 5,5% về giá trị so với tháng trước. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 88,1% về khối lượng và chiếm 85,1% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 748,2 triệu chứng khoán với 11.675,1 tỷ đồng được giao dịch, tăng 25,9% về khối lượng và tăng 0,7% về giá trị so với tháng trước.

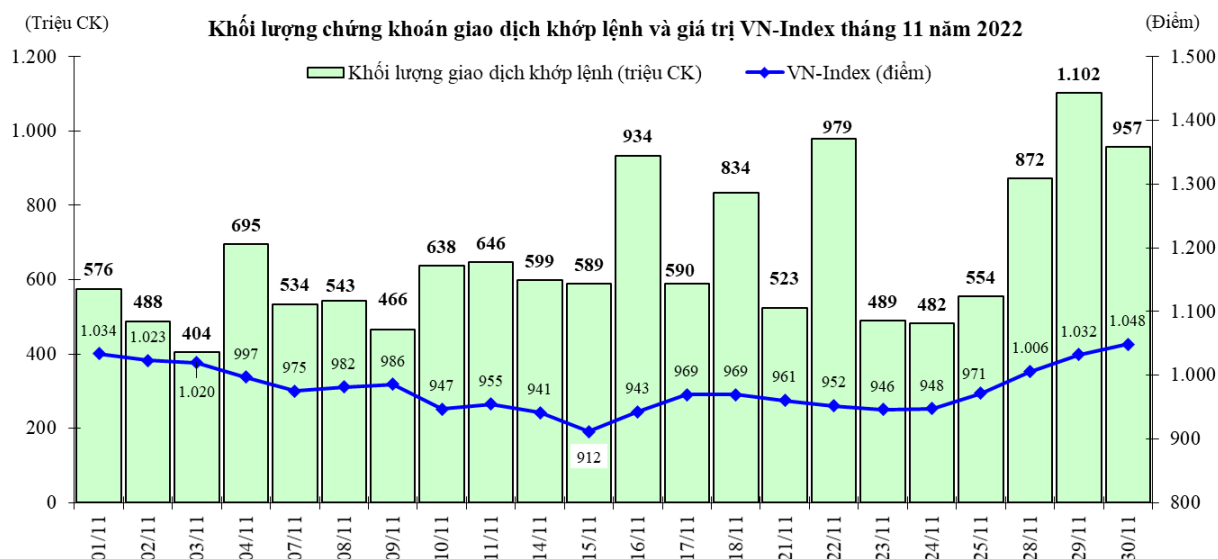
Lũy kế 11 tháng năm 2022, tổng khối lượng giao dịch đạt 153.729,9 triệu chứng khoán với 4.142.494,5 tỷ đồng, giảm 9,9% về khối lượng và giảm 15,0% về giá trị so với cùng kỳ. Trong đó, giao dịch khớp lệnh chiếm 92,0% về khối lượng và chiếm 86,5% về giá trị. Trung bình mỗi phiên có 677,2 triệu chứng khoán với 18.248,9 tỷ đồng được giao dịch.

Kết quả giao dịch chứng khoán trong tháng 11 và 11 tháng năm 2022 như sau:

**Quy mô giao dịch chứng khoán trên Sàn giao dịch chứng khoán
Tp. Hồ Chí Minh (HOSE)**

	Kết quả giao dịch		% so sánh	
	Tháng 11/2022	Lũy kế 11 tháng 2022	Tháng 11/2022 so tháng 10/2022	Lũy kế 11 tháng 2022 so cùng kỳ
A. Tổng khối lượng giao dịch (Triệu CK)	16.460,2	153.729,9	131,9	90,1
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	13.002,7	125.125,8	133,3	85,5
- Trái phiếu	1,9	68,3	111,8	13,5
- Chứng chỉ quỹ & ETF	295,9	1.622,9	172,9	108,6
- Chứng quyền	3.159,7	26.912,9	123,5	120,5
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	14.493,5	141.462,0	134,9	88,2
- Giao dịch thỏa thuận	1.966,7	12.267,9	113,3	119,5
B. Tổng giá trị giao dịch (Tỷ đồng)	256.851,3	4.142.494,5	105,5	85,0
<i>1. Chia theo loại chứng khoán:</i>				
- Cổ phiếu	206.117,8	3.387.441,6	102,2	86,0
- Trái phiếu	7,5	673,4	85,2	1,7
- Chứng chỉ quỹ & ETF	4.989,1	35.972,1	169,1	111,1
- Chứng quyền	45.736,9	718.407,4	117,9	83,4
<i>2. Chia theo hình thức giao dịch:</i>				
- Giao dịch khớp lệnh	218.686,9	3.585.129,2	111,7	80,4
- Giao dịch thỏa thuận	38.164,4	557.365,3	80,0	135,1

Chỉ số VN-index trong tháng 11 năm 2022, với 22 phiên giao dịch được thực hiện thì VN-Index có 12 phiên tăng điểm và 10 phiên giảm điểm. Mở đầu phiên giao dịch tháng 11/2022, chỉ số VN-Index đạt 1.033,75 điểm, giảm 31,0% (tương ứng giảm 464,53 điểm) so với 31/12/2021. Các phiên giao dịch tiếp theo VN-Index tiếp tục giảm và đạt giá trị thấp nhất trong năm 2022 khi đóng cửa ở mức 911,90 điểm vào ngày 15/11/2022, giảm 39,1% (tương ứng giảm 586,38 điểm) so với 31/12/2021. Các phiên giao dịch tiếp sau chứng kiến xu hướng phục hồi và kết thúc phiên giao dịch cuối cùng của tháng 11/2022, VN-Index đạt 1.048,42 điểm, giảm 30,0% (tương ứng giảm 449,86 điểm) so với 31/12/2021 và tăng 2,0% (tương ứng tăng 20,48 điểm) so với tháng trước. Giá trị vốn hóa thị trường đạt 4.184.586 tỷ đồng, tương đương 2,8 lần quy mô GRDP của Thành phố năm 2022.



Cập nhật phiên giao dịch ngày 19/12/2022, số lượng mã chứng khoán giao dịch khớp lệnh trên sàn Hose là 498 mã chứng khoán gồm: 332 mã cổ phiếu, 14 mã chứng chỉ, 151 mã chứng quyền và 01 mã trái phiếu. Chỉ số VN-Index đạt 1.038,40 điểm, giảm 30,7% (tương ứng giảm 459,88 điểm) so với 31/12/2021 và vốn hóa thị trường đạt 4.142.134 tỷ đồng.

III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 ngược xu hướng với các tháng trước khi có mức giảm 0,07% so tháng 11, với 2 nhóm giảm giá là giao thông và may mặc, trong đó nhóm giao thông giảm nhiều (-3,05%) và 9 nhóm còn lại tăng.

Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và tỷ giá USD

	Đơn vị tính: %			
	Tháng 12 so với tháng cùng kỳ năm trước		Chỉ số giá bình quân 12 tháng so với năm trước	
	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022
1. Chỉ số giá tiêu dùng	101,02	104,92	102,36	102,73
Trong đó: Lương thực	103,59	104,74	104,58	104,19
Thực phẩm	103,89	102,48	103,34	99,95
2. Chỉ số giá vàng	133,08	110,04	112,94	116,95
3. Chỉ số giá USD	99,71	104,62	99,34	101,14

So với cùng kỳ, CPI tháng 12 tăng 4,92% với 10/11 nhóm hàng tăng giá, nhóm giáo dục tăng cao nhất với mức 14,87%; tiếp theo là nhóm nhà ở với mức tăng 7,42%; nhóm hàng giảm giá là bưu chính viễn thông (-0,32%).

CPI bình quân cả năm tăng 2,73% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá vàng tháng 12 năm 2022 giảm 0,31% so với tháng trước; tăng 10,04% so tháng 12 năm 2021; bình quân cả năm tăng 16,95% so với cùng kỳ.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 12 năm 2022 giảm 2,53% so với tháng trước; tăng 4,62% so với tháng 12 năm 2021; bình quân cả năm tăng 1,14% so với cùng kỳ.

Diễn biến chỉ số giá tiêu dùng tháng 12 so với tháng trước như sau:

Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống: Tăng 0,48% (tháng trước tăng 0,33%) với cả lương thực và thực phẩm đều có mức tăng cao hơn tháng trước và là nhóm hàng có mức tăng cao nhất của tháng; trong đó nhóm lương thực tăng 0,56% (tháng trước tăng 0,53%) với giá gạo giảm 0,38% (tháng trước tăng 0,04%), lương thực chế biến tăng 1,43% (tháng trước tăng 1,04%). Nhóm thực phẩm tăng 0,53%; trong đó, thịt gia súc giảm 1,57%; trứng các loại tăng 0,92%; thịt gia cầm tăng 0,86%; thủy sản chế biến tăng 0,88%; rau quả các loại tăng 4,23% (tháng trước tăng 2,38%). Dịch vụ ăn uống ngoài gia đình tăng 0,39%.

Nhóm đồ uống và thuốc lá: Tăng 0,33%, trong đó đồ uống không cồn tăng 0,29%, rượu bia tăng 0,07% và thuốc lá tăng 0,67%.

Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép: Giảm 0,10% trong đó vải tăng không tăng; quần áo may sẵn giảm 0,14%; mũ nón giảm 0,41%; giày dép giảm 0,07%.

Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt, vật liệu xây dựng: Tăng 0,15%; trong đó nhóm điện sinh hoạt giảm 0,01%; nước sinh hoạt tăng 0,43%; gas và chất đốt khác tăng 2,73%; dịch vụ sửa chữa nhà tăng 0,34%.

Nhóm giao thông: Giảm 3,05%, chủ yếu do xăng giảm 7,36% và dầu diezen giảm 10,64%; dịch vụ giao thông công cộng tăng 0,30%.

Nhóm giáo dục: Tăng 0,18%, trong đó đồ dùng học tập giảm 0,16%; dịch vụ giáo dục tăng 0,20%.

Nhóm thuốc và dịch vụ y tế: Tăng 0,01%, trong đó dịch vụ y tế không thay đổi.

IV. ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

4.1. Vốn đầu tư toàn xã hội

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội quý IV năm 2022, ước thực hiện đạt 86.531,6 tỷ đồng, so với quý 3 tăng 14,7%, so với cùng kỳ giảm 8,3%.

Tính chung cả năm 2022, tổng vốn đầu tư toàn xã hội ước thực hiện 300.017,1 tỷ đồng, tăng 13,9% so với năm 2021.

Tình hình thực hiện Vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn Thành phố năm 2022

	Ước tính quý IV năm 2022	Ước tính 12 tháng năm 2022	Đơn vị tính: Tỷ đồng	
			So cùng kỳ (%)	
			Quý IV năm 2022	12 tháng năm 2022
TỔNG SỐ	86.531,6	300.017,1	91,7	113,9
VĐT ngân sách Nhà nước	11.113,4	35.600,6	77,5	109,8
Vốn trái phiếu Chính phủ	-	-	-	-
Vốn tín dụng ĐT theo kế hoạch NN	-	531,0	-	21,9

Vốn vay từ các nguồn khác	1.097,4	3.469,3	70,2	88,8
VĐT của doanh nghiệp Nhà nước	1.532,5	4.690,6	82,2	167,7
VĐT của dân cư và tư nhân	59.043,2	212.902,1	90,6	113,4
VĐT trực tiếp nước ngoài	12.688,4	39.052,9	146,1	127,7
Vốn huy động khác	1.056,8	3.770,6	88,8	108,3

4.1.1 Tình hình thực hiện vốn đầu tư công từ ngân sách địa phương

Quý IV năm 2022, UBND TP. HCM đã điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn ngân sách năm 2022, cụ thể kế hoạch vốn đầu tư công được UBND Thành phố triển khai năm 2022 (bao gồm cả kế hoạch vốn kéo dài) là 43.490,6 tỷ đồng.

Vốn đầu tư thực hiện xây dựng cơ bản và sửa chữa lớn từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý ước thực hiện tháng 12 năm 2022 đạt 3.492,5 tỷ đồng, tăng 3,1% so với tháng trước và giảm 5,7% so với cùng kỳ. Lũy kế 12 tháng năm 2022, vốn đầu tư ước thực hiện 30.013,1 tỷ đồng, đạt 67,3% so với kế hoạch năm và tăng 43,5% so với cùng kỳ. Trong đó:

Theo khoản mục đầu tư: Vốn đầu tư xây dựng cơ bản ước thực hiện 29.070,1 tỷ đồng, đạt 69,1% so với kế hoạch và tăng 41,3% so với cùng kỳ; vốn sửa chữa lớn đạt 66,1% so với kế hoạch và tăng 70,3% so với cùng kỳ.

Theo cấp quản lý: Vốn ngân sách nhà nước cấp thành phố ước thực hiện 29.653,4 tỷ đồng, tăng 43,2% so với cùng kỳ; vốn ngân sách nhà nước cấp huyện ước thực hiện 943,0 tỷ đồng, tăng 62,3%; vốn ngân sách nhà nước cấp xã ước thực hiện 8,3 tỷ đồng, tăng 154,1%.

Ước tính tính đến hết tháng 12 năm 2022, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 68% so với kế hoạch (tương đương giải ngân được 25.475,7 tỷ đồng)

Tình hình thực hiện một số công trình trọng điểm:

Dự án tuyến đường sắt Metro số 1 (Bến Thành – Suối Tiên): Do các vấn đề liên quan đến việc huy động nguồn lực dẫn đến dự án chậm tiến độ so với kế hoạch, Thành phố điều chỉnh thời gian thực hiện, hoàn thành thi công tuyến đường sắt đô thị số 1 Bến Thành – Suối Tiên vào cuối quý IV năm 2023.

Ngày 21/12/2022, đã chạy thử đoàn tàu ba toa dài hơn 61m qua 5 nhà ga trên cao với hành trình gần 9 km, Tàu khởi hành từ ga Suối Tiên, sau đó đi qua ga Đại học Quốc gia, Công nghệ cao và kết thúc tại ga Bình Thái, thành phố Thủ Đức

Dự án Tuyến đường sắt đô thị số 2 Bến Thành - Tham Lương: Tỷ lệ bàn giao mặt bằng đến nay đạt 85,45% (501/586 trường hợp), dự kiến đến quý II/2023 hoàn thành toàn bộ công tác giải phóng mặt bằng.

Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh: Ban Chỉ huy dự án tổ chức đi thực địa trực tiếp đến các địa bàn để rà soát tiến độ

và kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; hoàn tất các thủ tục để phê duyệt hai dự án thành phần (xây lắp và bồi thường); đẩy nhanh tiến độ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và phân đấu bàn giao 70% diện tích mặt bằng các gói thầu xây lắp để khởi công trước ngày 30/6/2023 và cơ bản bàn giao toàn bộ diện tích còn lại trước ngày 31/12/2023.

4.1.2 Vốn đầu tư thực hiện của doanh nghiệp

** Doanh nghiệp Nhà nước*

Quý IV năm 2022, vốn đầu tư thực hiện giảm 17,8 % so với cùng kỳ và tính chung cả năm 2022 tăng 67,7%. Nguồn vốn này tập trung vào đầu tư hạ tầng điện thành phố.

** Doanh nghiệp ngoài nhà nước*

Quý IV năm 2022, vốn đầu tư thực hiện giảm 9,6% và tính chung cả năm 2022 tăng 13,4% so với cùng kỳ. Tất cả các ngành đều tăng, trong đó các ngành dịch vụ tăng cao như: Nhà hàng, dịch vụ ăn uống, thương mại, kho bãi, dịch vụ giải trí khác.

** Doanh nghiệp nước ngoài*

Quý IV năm 2022, vốn đầu tư tăng 46,1% và tính chung cả năm 2022 tăng 27,7% so với cùng kỳ. Nguồn vốn này tập trung tăng cao ở một số ngành như: Kinh doanh bất động sản, sản xuất công nghiệp, điện tử.

4.2. Cấp giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà ở hộ dân

Tính đến cuối tháng 11, toàn Thành phố đã cấp 29.468 giấy phép xây dựng và sửa chữa lớn nhà cấp 3, cấp 4 với diện tích sàn 5.620,2 nghìn m², tăng 44,1% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 54,1% về diện tích.

Trong đó, cấp cho xây dựng mới 27.568 giấy phép với diện tích 5.419,6 nghìn m², tăng 42,2% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 53,6% về diện tích; cấp cho sửa chữa lớn nhà 1.900 giấy phép với diện tích 200,6 nghìn m²; tăng 77,2% về giấy phép so với cùng kỳ và tăng 69,2% về diện tích.

V. DOANH NGHIỆP

5.1. Đăng ký thành lập doanh nghiệp²

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/12/2022, thành phố đã cấp phép 44.369 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 472.559 tỷ đồng, tăng 42,3% về giấy phép và giảm 4,9% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, 09 ngành dịch vụ chủ yếu có 32.608 doanh nghiệp thành lập, tăng 39,6% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 358.122 tỷ đồng, tăng 5,0%.

Phân theo loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH có 38.963 đơn vị, tăng 44,8% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 273.513 tỷ đồng, giảm 6,7% so với

² Theo báo cáo của Sở kế hoạch và đầu tư.

cùng kỳ. Công ty cổ phần có 4.951 đơn vị, tăng 23,5%; vốn đăng ký 198.767 tỷ đồng, tăng 2,2%. Doanh nghiệp tư nhân 451 đơn vị, tăng 69,5%; vốn đăng ký 267 tỷ đồng, tăng 17,7%.

Phân theo khu vực kinh tế:

– **Khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:** Số lượng doanh nghiệp cấp phép là 166 đơn vị với vốn đăng ký đạt 2.726 tỷ đồng, tăng 23,0% về cấp phép và giảm 32,6% về vốn so với cùng kỳ.

– **Khu vực công nghiệp, xây dựng:** Cấp phép 8.493 doanh nghiệp, tăng 45,0% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 98.879 tỷ đồng, giảm 25,8%. Trong đó, ngành xây dựng có 3.698 doanh nghiệp, tăng 42,6%; vốn đạt 42.947 tỷ đồng, giảm 14,8%; nhóm ngành công nghiệp có 4.795 đơn vị với số vốn đăng ký đạt 55.932 tỷ đồng, giảm 32,5% về vốn.

– **Khu vực thương mại, dịch vụ:** Cấp phép 35.710 doanh nghiệp, tăng 41,7% so với cùng kỳ; vốn đăng ký đạt 370.954 tỷ đồng, tăng 3,2%. Trong đó, thương nghiệp 17.252 đơn vị với vốn đăng ký đạt 127.208 tỷ đồng, tăng 4,2% về vốn; tài chính ngân hàng và bảo hiểm có 645 đơn vị với vốn đăng ký đạt 27.806 tỷ đồng, tăng 0,6%; kinh doanh bất động sản có 2.513 doanh nghiệp với vốn đăng ký đạt 129.669 tỷ đồng, tăng 18,8%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 4.352 doanh nghiệp với vốn đăng ký 26.814 tỷ đồng, giảm 34,2%.

5.2. Tình hình cấp phép đầu tư trực tiếp nước ngoài

Từ ngày 01/01/2022 đến ngày 20/12/2022, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Thành phố là 3,94 tỷ USD, tăng 5,4% so với cùng kỳ, chia ra:

- **Cấp mới** có 893 dự án với vốn đăng ký đạt 601,1 triệu USD, giảm 12,5% về vốn so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy với 338 dự án, vốn đăng ký là 176,9 triệu USD, chiếm 29,4% vốn đăng ký cấp mới; kế đến là hoạt động thông tin và truyền thông có 186 dự án, vốn đăng ký là 139,3 triệu USD, chiếm 23,2%; hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ có 231 dự án, vốn đăng ký 107,5 triệu USD, chiếm 17,9%. Nhà đầu tư nước ngoài phân theo quốc gia và vùng lãnh thổ, Singapore dẫn đầu với 167 dự án, vốn đăng ký đạt 235,4 triệu USD, chiếm đến 39,2% vốn đăng ký cấp mới; kế đến là Nhật Bản với 86 dự án, vốn đăng ký 97,2 triệu USD, chiếm 16,2%, Hàn Quốc với 122 dự án, vốn đăng ký đạt 60,3 triệu USD, chiếm 10,0%.

- **Điều chỉnh vốn đăng ký** có 192 lượt dự án với số vốn tăng 1.600,7 triệu USD, tăng 42,4% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động công nghiệp chế biến, chế tạo có 22 dự án, vốn đăng ký 918,4 triệu USD, chiếm 57,4% vốn đăng ký điều chỉnh; hoạt động thông tin và truyền thông có 22 dự án, vốn đăng ký 278,6 triệu USD, chiếm 17,4%. Singapore là quốc gia có số vốn điều chỉnh cao nhất

trong 12 tháng năm 2022 đạt 1.180,4 triệu USD, chiếm 73,7% vốn đăng ký điều chỉnh.

- **Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp** có 2.411 trường hợp nhà đầu tư nước ngoài thực hiện với vốn góp là 1.738,6 triệu USD, giảm 9,8% so với cùng kỳ. Trong đó, hoạt động chuyên môn, khoa học công nghệ với vốn góp là 826,0 triệu USD, chiếm 47,5% tổng vốn góp; hoạt động bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy có số vốn góp đạt 309,9 triệu USD, chiếm 17,8%; hoạt động kinh doanh bất động sản 225,2 triệu USD, chiếm 13,0%. Singapore và Hàn Quốc là hai quốc gia có tỷ trọng vốn góp cao lần lượt chiếm 47,5% và 16,9%.

Dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp phép tại Thành phố

(từ ngày 01/01/2022 đến 20/12/2022)

	Năm 2022		% so với cùng kỳ năm 2021	
	Số dự án	Vốn đầu tư (triệu USD)	Số dự án	Vốn đầu tư
Tổng vốn đầu tư		3.940,4		105,4
Dự án cấp mới Giấy chứng nhận đầu tư	893	601,1	141,1	87,5
Dự án điều chỉnh vốn đầu tư	192	1.600,7	107,9	142,4
Góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp	2.411	1.738,6	105,3	90,2

Số dự án còn hiệu lực hoạt động trên địa bàn thành phố đến ngày 20/12/2022 là 11.273 dự án với vốn đăng ký là 55,84 tỷ USD (*Thành phố Hồ Chí Minh dẫn đầu về số dự án còn hiệu lực so với cả nước*).

VI. SẢN XUẤT NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

Ngành nông nghiệp Thành phố đã thực hiện chuyển dịch theo hướng nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao, công nghệ sinh học. Quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, đồng thời chi phí đầu vào phục vụ nông nghiệp liên tục tăng cao đã làm cho diện tích gieo trồng một số loại cây trồng tiếp tục có xu hướng giảm.

6.1. Trồng trọt

Cây hàng năm

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm cả năm 2022 ước đạt 34.517,7 ha, giảm 3,6% so với năm 2021; trong đó diện tích lúa giảm 2,5%, ngô giảm 24,9%, rau các loại giảm 4,6% và lạc giảm 6,9%. Trong đó: **Vụ Đông xuân 2022-2023** tính đến ngày 15 tháng 12 năm 2022 có diện tích gieo trồng lúa đạt 2.677,5 ha, trong đó cây lúa hiện nay tập trung giai đoạn mạ 2.155 ha, 397 ha đẻ nhánh, và 125 ha làm đồng. Diện tích gieo trồng rau các loại ước đạt 712,1 ha, giảm 6,0% so với năm 2021.

Cây lâu năm

Năm 2022 ước tính diện tích cây lâu năm hiện có 5.877,2 ha tăng 1,0% so với năm 2021. Trong đó một số cây lâu năm trọng điểm như: Diện tích cây cao su hiện có 2.121,9 ha, giảm 1,8%; diện tích cây xoài hiện có 457,9 ha giảm 2,0%; diện tích cây Hồ tiêu là 17,0 ha, tăng 0,4%; diện tích cây Chè là 1,6 ha, tăng 6,7%.

Ngoài ra, diện tích cây lâu năm ăn quả khác của thành phố còn có trồng cây măng cụt với 272,7 ha, giảm 0,4% so với năm 2021; diện tích trồng cây mít với 257,8 ha, giảm 3,5%; diện tích cây dừa với 438,6 ha, giảm 3,2%.

Tình hình sinh vật gây hại: Diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây rau là 5.733,1 ha, giảm 7,8% so với năm 2021, diện tích nhiễm sinh vật hại đã phòng trị là 11.154,1ha, giảm 1,8%.

Diện tích nhiễm sinh vật hại trên hoa lan, cây cảnh 658,8 ha, tăng 26,5% so với năm 2021, diện tích nhiễm sinh vật hại đã phòng trị là 440,5 ha, tăng 17,4%.

Diện tích nhiễm sinh vật hại trên cây lúa là 6.934,7 ha, tăng 10,4%.

6.2. Chăn nuôi

Năm 2022 hoạt động chăn nuôi trên địa bàn Thành phố duy trì ổn định do có sự kiểm soát tốt tình hình bệnh trên gia súc và gia cầm. Tình hình sản xuất chăn nuôi có xu hướng tăng so với cùng kỳ. Trong đó:

- Đàn lợn thịt ước tính có 212.116 con, tăng 4,8% so với năm 2021.
- Đàn trâu ước tính có 3.117 con, giảm 31,6%.
- Đàn bò ước tính có 99.048 con, giảm 3,7%, trong đó đàn bò sữa có 74.665 con, chiếm 75,4% tổng đàn bò. Sản lượng sữa ước tính đạt 259.666 tấn, tăng 2,3% so với năm 2021.
- Đàn gia cầm ước tính có 391,6 nghìn con, tăng 11,7% so với năm 2021, trong đó đàn gà có 364,3 nghìn con, chiếm 93,0% tổng đàn gia cầm.

Dự báo giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi có xu hướng tăng đến giữa năm 2023 vì thế sẽ gây không ít khó khăn cho ngành chăn nuôi của Thành phố.

6.3. Lâm nghiệp

Tổng diện tích đất có rừng là 36.822 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 17,6%. Tổng số gỗ khai thác trong năm 2022 ước đạt 5.170 m³, tăng 0,9% so với năm 2021. Sản lượng củi khai thác 2.000 ster, tương đương năm 2021.

Công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng: Đã tổ chức 702 lượt tuần tra, kiểm tra rừng và phòng cháy chữa cháy rừng. Tuyên truyền vận động nhân dân về công tác bảo vệ, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và bảo vệ động vật hoang dã với 1.217 lượt cho 5.637 người.

Tính từ đầu năm đến nay, đã phát hiện và xử lý 04 vụ phá rừng phòng hộ trái pháp luật với tổng thiệt hại là 238 m².

6.4. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản năm 2022 ước thực hiện 56.731,6 tấn, tăng 5,5% so với năm 2021. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 15.721,2 tấn, giảm 5,7%; sản lượng tôm ước đạt 13.643,4 tấn, tăng 13,5%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 27.367,0 tấn, tăng 9,2%.

Phân theo hình thức khai thác, nuôi trồng thủy sản:

- Sản lượng thủy sản khai thác năm 2022 ước thực hiện 13.529,5 tấn, giảm 6,4% so với năm 2021. Chia ra, sản lượng cá ước đạt 7.474,5 tấn, giảm 11,6%; sản lượng tôm ước đạt 2.154,0 tấn, giảm 1,0%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 3.901,0 tấn, tăng 2,0%.

- Sản lượng thủy sản nuôi trồng năm 2022 ước đạt 43.202,1 tấn, tăng 9,9% so với năm 2021. Trong đó, sản lượng cá ước đạt 8.246,7 tấn, tăng 0,4%; sản lượng tôm ước đạt 11.489,4 tấn, tăng 16,7%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 23.466 tấn, tăng 10,5%.

Tình hình thả nuôi tôm (tính đến ngày 10/12/2022)

Tôm sú: Hiện có 241 lượt hộ thả nuôi với 148,9 triệu con giống trên diện tích 3.247,1 ha. Diện tích thả nuôi giảm 2,2% và số lượng con giống giảm 7,4% so với cùng kỳ.

Tôm thẻ chân trắng: Có 1.747 lượt hộ thả nuôi với 703,25 triệu con giống trên diện tích 1.475,2 ha, diện tích thả nuôi tăng 28,0% và con giống tăng 41,1% so với cùng kỳ.

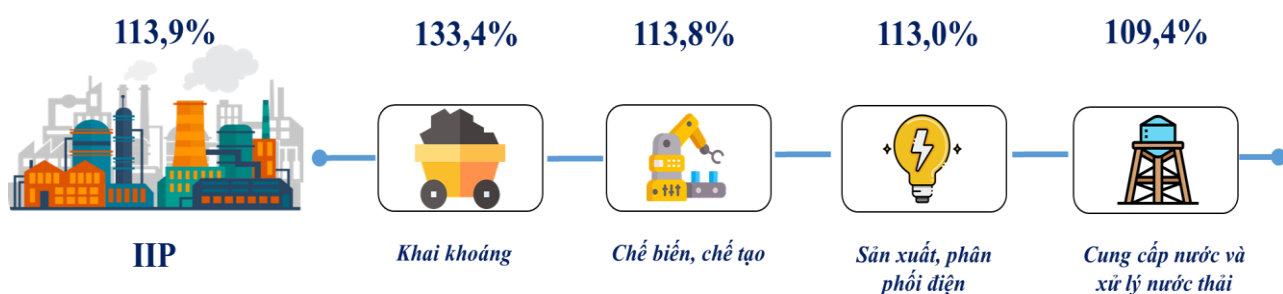
Tính từ đầu năm đến nay đã có 20 hộ nuôi có tôm bệnh trên diện tích 10,2 ha, số lượng con giống thiệt hại là 4,3 triệu con. Toàn bộ diện tích bị thiệt hại được xử lý dập bệnh bằng thuốc của quỹ phòng ngừa dịch bệnh với 3.016 kg thuốc TTCA.

VII. SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 12 năm 2022 ước tính tăng 2,3% so với tháng trước. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 3,8%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,5%; sản xuất và phân phối điện giảm 3,2%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 0,2%.

Tính chung cả năm 2022, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp trên địa bàn Thành phố tăng **13,9%** so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 13,8%; sản xuất và phân phối điện tăng 13,0%; cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 9,4%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 so với cùng kỳ (%)



Đối với ngành công nghiệp cấp II, có 24/30 ngành có chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 tăng so với năm 2021. Trong đó, một số ngành có mức tăng cao như: Sản xuất đồ uống tăng 62,8%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 61,2%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 58,5%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 53,7%; dệt tăng 36,5%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 32,5%. Một số ngành có chỉ số IPI giảm mạnh so với cùng kỳ như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 33,5%; sản xuất kim loại giảm 25,2%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp một số ngành chủ yếu năm 2022 so với cùng kỳ

	Đơn vị tính: %			
	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số	107,3	95,4	85,6	113,9
Chia theo ngành cấp 1				
1. Công nghiệp khai khoáng	54,8	311,6	82,3	133,4
2. Công nghiệp chế biến chế tạo	107,7	94,7	85,2	113,8
3. SX và phân phối điện	107,1	98,9	94,7	113,0
4. SX và phân phối nước, xử lý chất thải	102,3	99,0	97,8	109,4
Một số ngành chủ yếu				
1. Sản xuất chế biến thực phẩm	97,8	101,7	93,4	112,0
2. Sản xuất đồ uống	107,2	93,8	70,5	162,8
3. Sản xuất trang phục	104,1	78,3	73,7	119,8
4. Sản xuất da và SP liên quan	98,8	82,7	81,8	108,2
5. SX hóa chất và SP hóa chất	100,9	117,4	94,6	106,9
6. Sản phẩm từ cao su và plastic	98,8	93,0	93,8	161,2
7. SP từ khoáng kim loại	100,3	98,9	87,7	107,6
8. Sản xuất SP điện tử	121,6	118,5	82,3	98,0
9. Sản xuất thiết bị điện	114,7	101,7	93,0	104,5
10. Sản xuất xe có động cơ	100,2	83,6	102,5	132,4

Đối với 4 ngành công nghiệp trọng điểm: Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 tăng 20,4% so với năm 2021. Chia ra, ngành hóa dược tăng 32,2%; ngành lương thực, thực phẩm và đồ uống tăng 30,5%; ngành cơ khí tăng 8,7%; ngành sản xuất hàng điện tử giảm 2,0%.

Đối với 3 ngành công nghiệp truyền thống: Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2022 tăng 17,9% so với năm 2021. Chia ra, ngành dệt tăng 36,5%; ngành sản xuất trang phục tăng 19,8%; ngành sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 8,2%.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu năm 2022 tăng cao so với năm 2021 như: Bao bì đóng gói bằng plastic tăng 84,9%; bia chai, lon tăng 75,7%; vải tăng 52,3%; sắt thép các loại tăng 38,6%. Một số sản phẩm công nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ như: Phân khoáng hoặc phân hoá học giảm 22,9%; Tivi giảm 15,5%.

Chỉ số tiêu thụ ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 12 năm 2022 ước tính giảm 1,6% so với tháng trước và giảm 8,2% so với cùng kỳ. Tính chung cả năm 2022, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp tăng 16,3% so với năm 2021, trong đó một số ngành có mức tiêu thụ tăng mạnh như: Sản xuất đồ uống tăng 90,5%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 68,0%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 57,8%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 50,7%. Một số ngành có mức tiêu thụ giảm mạnh như: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 42,2%; sản xuất kim loại giảm 12,5%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) giảm 11,6%.

Chỉ số tồn kho ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 12 năm 2022 ước tính tăng 24,5% so với cùng thời điểm năm trước, trong đó một số ngành có chỉ số tồn kho cao so với cùng kỳ như: Sản xuất kim loại tăng 53,6%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất tăng 53,2%; sản xuất sản phẩm thuốc lá tăng 48,1%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 12,4%. Một số ngành có mức tồn kho giảm mạnh như: Dệt giảm 65,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 412,12%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy giảm 34,9%; sản xuất thiết bị điện giảm 24,4%.

Chỉ số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong tháng 12 giảm 0,2% so với tháng trước và giảm 4,2% so với cùng kỳ. Tính chung cả năm 2022, chỉ số lao động tăng 9,9% so với năm 2021. Trong đó, một số ngành có chỉ số lao động tăng như: Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 21,8%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế) tăng 19,9%; sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu tăng 17,1%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) tăng 13,4%. Một số ngành có chỉ số lao động giảm như: Sản xuất phương tiện vận tải khác giảm 28,0%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 7,5%; sản xuất giường, tủ, bàn, ghế giảm 5,7%; sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất giảm 3,3%.

*** Kết quả điều tra Xu hướng kinh doanh của doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo** quý IV năm 2022 so với quý III năm 2022 cho thấy: Có 25,5% doanh nghiệp nhận định tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên; 29,5% giữ ổn định và 45,0% khó khăn hơn. Trong đó, 68,2% doanh nghiệp nhà nước nhận định rằng tình hình sản xuất kinh doanh tốt lên và giữ ổn định; tỷ lệ này ở doanh nghiệp ngoài nhà nước; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lần lượt là 54,6% và 45,5%.

Dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý I năm 2023 so với quý IV năm 2022, có 22,3% doanh nghiệp đánh giá tốt hơn, 31,5% giữ ổn định và 46,2% khó khăn hơn. Trong đó, có 59,1% doanh nghiệp nhà nước có cái nhìn tích cực về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý I năm 2023, tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước và có vốn tư nước ngoài là 53,4%.

VIII. THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ

8.1. Nội thương

Tháng 12 năm 2022 là tháng diễn ra nhiều hoạt động đón mừng năm mới, đặc biệt năm nay lại trùng với thời gian giáp tết Nguyên đán nên các chương trình khuyến mãi, kích cầu của Thành phố, hoạt động mua sắm, vui chơi giải trí...càng sôi động, rõ nét hơn. Doanh thu ở các lĩnh vực thương mại, lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành đều có mức tăng so tháng trước cao hơn mức tăng của tháng 11.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 năm 2022 ước đạt 96.811 tỷ đồng, tăng 2,4% so với tháng trước (doanh thu thương mại tăng 2,5%; dịch vụ lưu trú ăn uống tăng 8,3%; dịch vụ du lịch lữ hành tăng 27,2%; dịch vụ khác tăng 0,4%) **và tăng 32,3% so với cùng kỳ.**

Tính riêng quý IV, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 285.574 tỷ đồng chiếm tỷ trọng 26,2% tổng mức cả năm, tăng 2,2% so quý III (quý III tăng 2,7%; quý II tăng 8%) và tăng 46,1% so quý IV năm 2021.

Ước tính cả năm tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 1.089.446 tỷ đồng, tăng 30,5% so với cùng kỳ, tăng cao ở tất cả các ngành.

Doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng 12 ước đạt 54.522 tỷ đồng, chiếm 57,4% trong tổng mức, tăng 2,5% so với tháng 11, tăng 12% so với tháng cùng kỳ. Diễn biến ở một số nhóm ngành hàng có tỷ trọng lớn như sau:

Nhóm lương thực, thực phẩm chiếm tỷ trọng 18,9%, tăng 3,3%; nhóm hàng đồ dùng thiết bị gia đình chiếm tỷ trọng 12,8% tăng 4,5%; ô tô và phương tiện đi lại (gồm cả sửa chữa) chiếm tỷ trọng 16,3% tăng 2,1%; xăng dầu và

nhiên liệu khác chiếm tỷ trọng 11,9% tăng 1%; hàng may mặc chiếm 8,4% tăng 2,4%.

Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

	Ước tính tháng 12 năm 2022	Ước tính quý IV năm 2022	Ước cả năm 2022	Tháng 12 năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)	Quý IV so với cùng kỳ năm trước (%)	Ước cả năm 2022 so với cùng kỳ năm trước (%)
Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (tỷ đồng)	96.811	285.574	1.089.446	132,3	146,1	130,5
Thương nghiệp	54.522	160.303	625.520	112,0	119,4	120,5
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	8.479	24.220	84.805	311,3	436,4	227,5
Dịch vụ lẻ hành	782	1.744	6.701	299,3	438,4	290,8
Dịch vụ khác	33.029	99.306	372.420	153,3	179,5	134,9

Ước tính cả năm, doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 625.520 tỷ đồng, tăng 20,5% so với cùng kỳ, với nhiều nhóm hàng tăng cao như nhóm hàng vật phẩm văn hóa giáo dục (+46,1%); nhóm hàng xăng dầu (+34,5%); nhóm hàng may mặc (+43,5%); nhóm hàng ô tô (+19,3%); nhóm hàng lương thực, thực phẩm (+11%).

Dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 12 ước đạt 8.479 tỷ đồng, chiếm 7,8% trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, tăng 8,3% so với tháng trước. Trong đó, doanh thu hoạt động ăn uống tăng 6,9%, doanh thu lưu trú tăng 26,4% so với tháng trước; so tháng 12/2021 tăng 3,1 lần. **Ước tính cả năm**, doanh thu lưu trú và ăn uống đạt 84.805 tỷ đồng, tăng 127,5% so với cùng kỳ. Trong đó, dịch vụ lưu trú tăng 121,6%; dịch vụ ăn uống tăng 128,1%.

Doanh thu dịch vụ lẻ hành tháng 12 ước đạt 782 tỷ đồng, tăng 27,2% so với tháng trước, so với cùng kỳ tăng 2,9 lần. **Ước tính cả năm**, doanh thu dịch vụ lẻ hành đạt 6.701 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 0,6% trong tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, tăng 190,8% so với cùng kỳ.

Doanh thu dịch vụ tiêu dùng khác tháng 12 ước đạt 33.029 tỷ đồng tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 53,3% so với cùng kỳ. Trong đó, ngành kinh doanh bất động sản chiếm tỷ trọng 61,1%, giảm 1,1% so với tháng trước. **Ước tính cả năm**, doanh thu đạt 372.420 tỷ đồng tăng 34,9% so với cùng kỳ; trong đó ngành kinh doanh bất động sản chiếm 63,2%, tăng 28,5%

Tính riêng quý IV năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 285.574 tỷ đồng, tăng 2,2% so với quý trước và tăng 46,1% so với quý cùng kỳ năm trước. **Doanh thu bán lẻ hàng hóa** quý IV năm 2022 ước đạt 160.303 tỷ đồng, so với quý trước và quý cùng kỳ có mức tăng lần lượt là 1,3% và 19,4%; **doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống** đạt 24.220 tỷ đồng, tăng 3,7% so với quý trước và tăng gấp 4,36 lần so với quý cùng kỳ; **doanh thu dịch vụ lữ hành** ước đạt 1.744 tỷ đồng, tăng gấp 4,38 lần so với quý IV năm 2021; **doanh thu dịch vụ khác** đạt 99.306 tỷ đồng, tăng 3,6% và tăng 79,5% lần lượt so với quý trước và quý cùng kỳ năm trước.

Nhìn lại bức tranh tổng thể của hoạt động thương mại dịch vụ năm 2022, sau hơn 01 năm phục hồi kinh tế, các đơn vị kinh doanh đặc biệt là các ngành liên quan đến du lịch, y tế đã hoạt động trở lại bình thường. Tuy nhiên, do thu nhập của người dân vẫn chưa ổn định nên có tâm lý thắt chặt chi tiêu. Thị trường mua sắm, tiêu thụ hàng hoá vào tháng giáp Tết chưa sôi động như thời điểm trước dịch.

8.2. Xuất khẩu hàng hoá

Trong năm 2022, kinh tế thế giới vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến tăng trưởng xuất nhập khẩu của Việt Nam. Cuộc xung đột giữa Nga - Ukraine kéo dài làm gián đoạn chuỗi cung ứng, nhiều nền kinh tế lớn thực hiện điều chỉnh tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát, gây sụt giảm nhu cầu hàng hoá nhập khẩu từ các nước. Mặc dù gặp nhiều khó khăn nhưng xuất khẩu Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đạt được những bước tăng trưởng tích cực.

Ước tính tháng 12 năm 2022, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 3.559,7 triệu USD, tăng 9,5% so với tháng trước; riêng xuất khẩu không tính dầu thô đạt 3.388,3 triệu USD, tăng 12,7%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong tháng 12 năm 2022 đạt 3.034,9 triệu USD, tăng 2,1% so với tháng trước. Chia ra, khu vực kinh tế nhà nước đạt 237,9 triệu USD, giảm 25,9%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 1.077,3 triệu USD, tăng 0,6%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.719,7 triệu USD, tăng 8,8%.

Tính chung cả năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp Thành phố tại các cửa khẩu trên cả nước đạt 47.182,8 triệu USD, tăng 5,1% so với cùng kỳ; riêng xuất khẩu không tính dầu thô đạt 44.906,0 triệu USD, tăng 4,5%.

Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp Thành phố xuất qua cảng Thành phố (gồm cả dầu thô) trong cả năm 2022 đạt 41.580,3 triệu USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ. Chia ra, khu vực kinh tế nhà nước đạt 2.960,9 triệu USD, tăng 17,6%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước đạt 13.201,5 triệu USD, tăng 12,6%; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đạt 25.417,9 triệu USD, giảm 4,5%.

Trong cả năm 2022, Thành phố có 7 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 71,0% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Trị giá một số mặt hàng xuất khẩu năm 2022

	Ước tính cả năm 2022 (Tỷ USD)	Năm 2022 so với năm 2021 (%)
Các mặt hàng đạt giá trị trên 1 tỷ USD		
Máy vi tính, sản phẩm điện tử & linh kiện	15,3	89,2
Hàng dệt, may	4,4	125,0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ & phụ tùng khác	2,7	125,4
Giày dép các loại	2,5	148,7
Dầu thô	2,3	117,9
Gạo	1,2	107,2
Hàng rau quả	1,0	109,4

Cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu qua cảng Thành phố trong cả năm 2022 của doanh nghiệp Thành phố (loại trừ dầu thô) gồm:

– *Nhóm hàng nông sản* có giá trị xuất khẩu đạt 4.220,7 triệu USD, tăng 2,4% so với năm 2021 và chiếm 10,7% tổng kim ngạch xuất khẩu, trong đó:

+ Gạo có sản lượng xuất khẩu đạt 1.306,7 nghìn tấn với giá trị đạt 1.211,8 triệu USD, tăng 7,2%.

+ Cà phê có sản lượng xuất khẩu đạt 296,6 nghìn tấn với giá trị đạt 620,1 triệu USD, tăng 12,3%.

+ Cao su có sản lượng xuất khẩu đạt 226,2 nghìn tấn với giá trị đạt 569,5 triệu USD, giảm 20,8%.

– *Nhóm hàng lâm sản* có giá trị xuất khẩu đạt 663,1 triệu USD, giảm 1,7% so với năm 2021 và chiếm tỷ trọng 1,7%.

– *Nhóm hàng thủy hải sản* có giá trị xuất khẩu đạt 1.338,1 triệu USD, tăng 57,9% so với năm 2021 và chiếm tỷ trọng 3,4%.

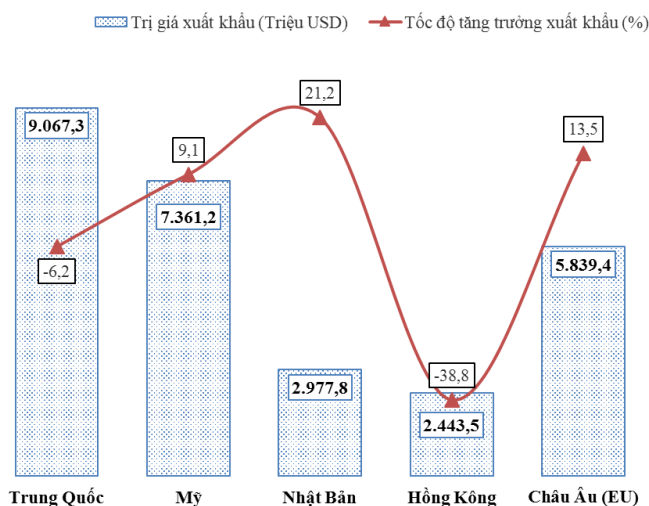
– *Nhóm hàng công nghiệp* có giá trị xuất khẩu đạt 29.174,9 triệu USD, tăng 3,5% so với năm 2021 và chiếm tỷ trọng 74,2% trong đó:

+ Máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có giá trị xuất khẩu đạt 15.268,8 triệu USD, giảm 10,8%.

- + Dệt, may có giá trị xuất khẩu đạt 4.406,6 triệu USD, tăng 25,0%.
- + Máy móc, thiết bị, dụng cụ và phụ tùng khác có giá trị xuất khẩu đạt 2.726,1 triệu USD, tăng 25,4%.
- + Giày dép có giá trị xuất khẩu đạt 2.516,6 triệu USD, tăng 48,7%.
- Nhóm hàng hóa khác có giá trị xuất khẩu đạt 3.906,7 triệu USD, giảm 23,2% so với năm 2021 và chiếm tỷ trọng 9,9%.

Riêng mặt hàng dầu thô, sản lượng xuất khẩu trong cả năm 2022 đạt 2.810,6 nghìn tấn (giảm 19,5% so với năm 2021); giá trị đạt 2.276,8 triệu USD (tăng 17,9%).

Kim ngạch và tốc độ tăng trưởng xuất khẩu tại các thị trường chủ lực năm 2022



Về thị trường xuất khẩu hàng hóa, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của các doanh nghiệp Thành phố với kim ngạch xuất khẩu trong cả năm 2022 đạt 9.067,3 triệu USD, giảm 6,2% so với năm 2021, chiếm 21,8% tỷ trọng xuất khẩu.

Thứ hai, xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ đạt 7.361,2 triệu USD, tăng 9,1%, chiếm 17,7%.

Thứ ba, xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản đạt 2.977,8 triệu USD, tăng 21,2%, chiếm 7,2%.

Thứ tư, xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông đạt 2.443,5 triệu USD, giảm 38,8%, chiếm 5,9%.

Giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp Thành phố sang thị trường Châu Âu đạt 5.839,4 triệu USD, tăng 13,5%, chiếm tỷ trọng 14,0%.

8.3. Vận tải

8.3.1. Doanh thu vận tải

Tổng doanh thu vận tải hàng hóa, hành khách, bốc xếp và dịch vụ đại lý vận tải tháng 12 ước đạt 22.529 tỷ đồng, tăng 5,3 % so với tháng trước và giảm 9,8% so với tháng cùng kỳ.

Tính chung cả năm 2022 ước đạt 301.301 tỷ đồng, tăng 15,3% so với năm 2021, chia ra:

*** Vận tải hàng hóa:** Doanh thu năm 2022 ước đạt 97.308 tỷ đồng, tăng 37,4% so với năm 2021. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 18,7%, tăng 45,5% so với năm 2021; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 79,7%, tăng 37,0%; khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 1,6%, giảm 8,7%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 64,9%, tăng 30,7% so với năm 2021; vận tải đường sắt chiếm 0,4%, giảm 44,2%.

*** Vận tải hành khách:** Doanh thu năm 2022 ước đạt 21.645 tỷ đồng, tăng 191,1% so với năm 2021. Chia ra: Khu vực kinh tế nhà nước chiếm 4,5%, tăng 80,4%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 80,7%, tăng 201,7%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 14,8%, tăng 190,8%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 72,4%, tăng 187,1% so với năm 2021; đường sắt chiếm 4,2%, tăng 78,0%; đường hàng không chiếm 12,5%, tăng 173,1%.

Doanh thu vận tải hàng hóa và hành khách năm 2022

	Doanh thu năm 2022 (tỷ đồng)		So sánh với năm 2021 (%)	
	Hàng hóa	Hành khách	Hàng hóa	Hành khách
Tổng số	97.308	21.645	137,4	291,1
<i>*Phân theo khu vực kinh tế</i>				
Kinh tế nhà nước	18.195	977	145,5	180,4
Kinh tế ngoài nhà nước	77.529	17.462	137,0	301,7
Kinh tế có vốn nước ngoài	1.584	3.206	91,3	290,8
<i>*Phân theo phương tiện vận tải</i>				
Trong đó: Đường bộ	64.150	15.666	130,7	287,1
Đường sắt	416	913	55,8	178,0
Đường hàng không	32	2.706	113,1	273,1

Hoạt động hỗ trợ vận tải, bưu chính và chuyển phát: Doanh thu năm 2022 đạt 182.348 tỷ đồng, giảm 0,4% so với năm 2021. Chia ra: Hoạt động kho bãi - dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 165.363 tỷ đồng, giảm 3,4%; Bưu chính và chuyển phát đạt 16.985 tỷ đồng, tăng 44,5%.

8.3.2. Sản lượng vận tải hàng hóa và hành khách

a. Sản lượng vận tải hàng hóa: Tháng 12/2022 ước đạt 33.766 nghìn tấn, tăng 16,7% so với cùng kỳ. Tính chung cả năm 2022 ước đạt 427.393 nghìn tấn, tăng 34,6% so với năm 2021. Chia ra: Khu vực nhà nước chiếm 18,7%, tăng

55,0%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước chiếm 76,4%, tăng 34,9% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 4,9%, giảm 12,2%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 60,2%, tăng 24,2% so với năm 2021; vận tải đường sắt chiếm 0,2%, giảm 47,3% so với cùng kỳ.

b. Sản lượng vận tải hành khách: Tháng 12 ước đạt 84.478 nghìn hành khách, tăng 338,9 so cùng kỳ. Tính chung cả năm 2022 ước đạt 865.383 nghìn hành khách, tăng 178,4% so với năm 2021. Chia ra: Khu vực nhà nước chiếm 1,0%, tăng 109,2%; khu vực ngoài nhà nước chiếm 96,8%, tăng 177,8% và khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 2,2%, tăng 277,3%.

Trong đó: Vận tải đường bộ chiếm 79,9%, tăng 161,0%; vận tải đường sắt chiếm 0,2%, tăng 102,3% và vận tải hàng không chiếm 0,3%, tăng 93,2%.

IX. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

9.1. Hoạt động y tế

Tình hình bệnh Sốt xuất huyết trên địa bàn thành phố diễn biến phức tạp, số ca nhiễm và tử vong đều tăng cao so với cùng kỳ. Số ca cộng dồn từ đầu năm đến 15/12/2022 là 79.355 ca, số ca tử vong là 29 ca.

Tình hình bệnh Tay chân miệng: Số ca cộng dồn từ đầu năm đến 15/12/2022 là 18.884 ca, không có trường hợp tử vong.

Tình hình bệnh Covid-19: Tính đến ngày 15/12/2022, số ca mắc là 119.536 ca; tổng số liều vắc xin đã tiêm là 23.551.721 liều; đạt tỷ lệ tiêm mũi 3 của người trên 18 tuổi là 67,3%, tiêm mũi 4 là 54%; tỷ lệ tiêm mũi 3 của trẻ từ 12 đến 18 tuổi là 36,4%; tỷ lệ tiêm mũi 1 của trẻ từ 05 đến dưới 12 tuổi là 64,3%, mũi 2 là 32,5%.

Vệ sinh an toàn thực phẩm: Trong năm 2022, thành phố đã tiến hành giám sát an toàn thực phẩm, phòng ngừa ngộ độc thực phẩm đối với 19 lễ hội và sự kiện, kết quả là 12/12 mẫu đạt chỉ tiêu kiểm nghiệm; không xảy ra ngộ độc thực phẩm trong suốt thời gian tổ chức; xảy ra 01 vụ ngộ độc thực phẩm tại nhà hàng Mr Bao, nguyên nhân là ngộ độc rượu, số người bị ngộ độc là 08 người trong đó có 02 người tử vong.

Công tác khám chữa bệnh và điều trị: Tình hình khám chữa bệnh năm 2022 tại các cơ sở y tế cơ bản đã phục hồi, đáp ứng được nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe người dân trên địa bàn Thành phố, các tỉnh lân cận.

Giải thể các bệnh viện dã chiến theo lộ trình và tăng cường thu dung điều trị, sẵn sàng kích hoạt lại bệnh viện dã chiến 13 khi tình hình dịch bệnh có diễn tiến xấu.

Tổng số lượt khám chữa bệnh ngoại trú năm 2022 ước đạt 33.136.106 lượt, tăng 49% so với cùng kỳ. Tổng số lượt điều trị nội trú năm 2022 ước là 2.160.034 lượt, tăng 35%.

9.2. Hoạt động giáo dục

Tình hình thi tốt nghiệp năm học 2021-2022

Cấp tiểu học: Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình tiểu học là 124.518 học sinh, đạt 99,93%.

Cấp trung học cơ sở: Số học sinh được công nhận tốt nghiệp THCS là 106.529 học sinh, đạt 99,80%.

Cấp trung học phổ thông: Năm nay tiếp tục thực hiện thi tốt nghiệp phổ thông Quốc gia và kết hợp xét tuyển đại học. Hệ phổ thông có 73.519 học sinh dự thi đạt tốt nghiệp đạt 99,54%.

Tình hình tuyển sinh đầu cấp năm học 2022-2023

Trẻ vào mầm non: Huy động 100% trẻ 5 tuổi trong diện đi học vào trường mầm non; có kế hoạch đảm bảo cho trẻ 3, 4 tuổi và độ tuổi nhà trẻ được đi học, tổ chức nhận trẻ 6-18 tháng tuổi.

Tuyển sinh đầu cấp khối tiểu học: 100% trẻ 6 tuổi đang cư trú trên địa bàn Thành phố vào học lớp 1 theo tuyến do Ban Chỉ đạo tuyển sinh thành phố Thủ Đức và các quận, huyện quy định.

Tuyển sinh đầu cấp khối trung học cơ sở: Học sinh trong độ tuổi quy định đã hoàn thành chương trình cấp tiểu học trên địa bàn thành phố Thủ Đức và các quận, huyện được vào học lớp 6, theo đúng tuyến quận huyện, sĩ số không quá 45 em mỗi lớp.

Tuyển sinh đầu cấp khối trung học phổ thông: Học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở tại hành phố Hồ Chí Minh trong độ tuổi quy định đều được tham gia dự tuyển vào lớp 10 có 108.290 học sinh.

Tình hình số học sinh nhập học năm học 2022-2023 của thành phố so với năm trước như sau: Khối mầm non đến lớp 309.112 học sinh, tăng 20,2%; khối tiểu học có 666.001 học sinh, giảm 2,0%; khối trung học cơ sở 454.024 học sinh, tăng 1,4%; khối trung học phổ thông 239.501 học sinh, tăng 3,1%.

9.3 Hoạt động về văn hóa, thể dục thể thao

Hoạt động văn hóa nghệ thuật: Trong năm 2022 thành phố đã triển khai 28 lễ hội sự kiện tăng 140% so với cùng kỳ. Một số Lễ hội, sự kiện như: Chương trình Đón chào năm mới; giải marathon Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ IX năm 2022; liên hoan biểu diễn các bộ môn võ thuật và các bài thể dục; kỷ niệm 92 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2022), lễ Giỗ tổ Hùng Vương - năm Nhâm Dần 2022; ngày hội “Non sông

thống nhất” kỷ niệm 47 năm Ngày Giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2022) và 136 năm Ngày Quốc tế Lao động (01/5/1886 - 01/5/2022); các hoạt động kỷ niệm 132 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2022) và 111 năm Ngày Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước (05/6/1911 - 05/6/2022); kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947 – 27/7/2022); họp mặt mừng công huân luyện viên, vận động viên Thành phố Hồ Chí Minh đạt thành tích tại Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 - Việt Nam; lễ truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng” và “Anh hùng lực lượng vũ trang Nhân dân” đợt 43; khai mạc Festival Nhà thiếu nhi toàn quốc lần thứ VII năm 2022 ...

Về hoạt động thể dục, thể thao

Thể thao cộng đồng: Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 121/KH-UBND ngày 13 tháng 01 năm 2022 về Kế hoạch triển khai Cuộc vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” giai đoạn 2021-2030.

Thể thao thành tích cao: Trong năm 2022 thể thao thành tích cao Thành phố tập trung cho việc tập huấn và tham dự Đại hội Thể thao Đông Nam Á - SEA Games 31. Thành phố đã đóng góp trên 25% lực lượng tham dự Đại hội (339/1.341 thành viên tham dự), đạt chỉ tiêu đề ra. Với thành tích 42 HCV, 36 HCB, 25 HCD tại Đại hội, đoàn thể thao Thành phố Hồ Chí Minh đã xuất sắc vượt chỉ tiêu đề ra (15 huy chương vàng) và là một trong hai đơn vị (sau Hà Nội) đóng góp nhiều huy chương nhất cho đoàn thể thao Việt Nam (205 HCV, 125 HCB, 116 HCD). Đây cũng là kỳ SEA Games mà thể thao Thành phố đạt được thành tích huy chương nhiều nhất với 42 huy chương vàng, trong đó có 16 huy chương cá nhân và 26 huy chương đồng đội.

9.4. Tình hình trật tự an toàn xã hội (từ 15/12/2021 đến 14/12/2022)

Tình hình trật tự an toàn giao thông: Trong năm 2022, xảy ra 2.011 vụ tai nạn giao thông đường bộ (kể cả va chạm), làm chết 630 người và bị thương 1.321 người. So với cùng kỳ năm 2021, số vụ giao thông đường bộ tăng 245 vụ (+13,9%), tăng 156 người chết (+32,9%) và tăng 281 người bị thương (+27,0%).

Xảy ra 03 vụ tai nạn giao thông đường sắt, làm chết 03 người, không có người bị thương (giảm 01 vụ so với cùng kỳ).

Xảy ra 03 vụ tai nạn trên tuyến thủy nội địa, làm chết 02 người.

Về tình hình cháy nổ: Trong năm 2022, xảy ra 195 vụ cháy, giảm 8,0% (giảm 21 vụ), làm 24 người chết, bị thương 37 người, trị giá tài sản thiệt hại hơn 4,9 tỷ đồng. Nguyên nhân gây cháy vẫn chủ yếu do sự cố hệ thống, thiết bị điện. Trong kỳ, trên địa bàn Thành phố không xảy ra vụ nổ.

Vi phạm kinh tế: Đã phát hiện mới 2.083 vụ, 1173 đối tượng vi phạm về trật tự quản lý kinh tế và buôn lậu, thu giữ hàng hóa vi phạm trị giá 230,3 tỷ đồng.

Hoạt động phòng, chống tội phạm ma túy: Đã phát hiện, xử lý 1.295 vụ, 4.075 đối tượng tàng trữ, vận chuyển, mua bán và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy giảm 0,1% (-2 vụ) so với cùng kỳ, tăng 72,8% đối tượng (+1.718); Khởi tố 1.100 vụ, 1.569 bị can, xử lý hành chính 180 vụ, 2.473 đối tượng; Thu giữ: 74,561kg Heroin; 0,8262gram Cocain; 97,814kg Cần sa; 333 cây Cần sa tươi (khoảng 49,6g); 426,009kg MTTH; 12,563kg chất chưa xác định; 13 khẩu súng; 127 viên đạn; 06 dao tự chế; 18 ô tô; 283 xe máy; 465 ĐTDD; 86 cân điện tử; 1,343 tỷ đồng cùng nhiều công cụ phương tiện phạm tội có liên quan.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm hình sự và các tệ nạn xã hội: Trong năm 2022, ghi nhận 4.266 vụ, tăng 128 vụ (+4,5%) so với cùng kỳ. Đã khám phá 3.171 vụ, đạt 74,33%, bắt 4.972 đối tượng; tỷ lệ khám phá án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt trên 90,24% (1.453/1.610), bắt 1.666 đối tượng; đấu tranh triệt phá 103 băng, nhóm tội phạm có tổ chức, bắt giữ 616 đối tượng.

9.5. Tình hình giải quyết việc làm

Trong năm 2022, các thành phần kinh tế đã thu hút, giải quyết việc làm cho 315.612 lượt người, tăng 5,3% so với kế hoạch năm, tăng 3,28% (+10.043 lượt người) so với cùng kỳ; số chỗ việc làm mới là 141.312 chỗ, tăng 0,9% so với kế hoạch, tăng 0,23% (+330 chỗ làm mới); tỉ lệ thất nghiệp đô thị đạt 3,97%.

Về hoạt động liên quan đến người lao động đi làm việc ở nước ngoài: Từ đầu năm đến nay, số lao động do các đơn vị đưa đi có 8.465 người, chủ yếu ở thị trường Nhật Bản, tập trung ngành nghề chính như chế biến thực phẩm, đóng gói, điều dưỡng.

Về giải quyết chế độ bảo hiểm thất nghiệp

Trong năm 2022, đã tiếp nhận 139.555 trường hợp nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp, ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp cho 135.772 người lao động đủ điều kiện.

9.6. An sinh xã hội

Về thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động theo Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg ngày 28/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ: Xây dựng và triển khai ứng dụng Hệ thống nhập liệu hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động tại website <https://sldqd08.tphcm.gov.vn> để cập nhật thông tin, danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà. Tính đến ngày 30/9/2022 đã thực hiện phê duyệt 68.717 doanh nghiệp, với số lao động là 1.677.197

người, số tiền hỗ trợ là 976,673 tỷ đồng (đạt 100% hồ sơ đủ điều kiện hỗ trợ) và đã giải ngân cho 63.730 doanh nghiệp, với 1.638.997 lượt lao động, số tiền hỗ trợ là 953,242 tỷ đồng (chiếm 97,6% so với phê duyệt).

Công tác giảm nghèo bền vững

Toàn thành phố 56.404 hộ nghèo, hộ cận nghèo, chiếm 2,22% trên tổng hộ dân thành phố. Trong đó, hộ nghèo là 36.789 hộ, chiếm tỷ lệ 1,45% và hộ cận nghèo là 19.615 hộ, chiếm tỷ lệ 0,77%. Trong đó, có 273 hộ nghèo với 288 thành viên, 175 hộ cận nghèo với 187 thành viên thuộc diện chính sách ưu đãi Người có công và 4.228 hộ nghèo, hộ cận nghèo với 13.620 nhân khẩu có chỉ số thiếu hụt về thu nhập thuộc tiêu chí thu nhập chuẩn nghèo quốc gia.

Tính đến 30/11/2022 quận, huyện và thành phố Thủ Đức đã mua 121.348 thẻ, với số tiền là 92,571 tỷ đồng cho thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ vượt chuẩn cận nghèo; Ngoài ra, theo rà soát của quận, huyện và thành phố Thủ Đức, thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo tham gia Bảo hiểm y tế bắt buộc khác và tham gia Bảo hiểm y tế hộ gia đình là 94.265 thẻ. Thực hiện hỗ trợ nhà ở cho 114 căn nhà tình thương, với số tiền là 5,494 tỷ đồng; hỗ trợ sửa chữa chống dột 459 căn nhà tình thương, với số tiền trên 18,42 tỷ đồng; hỗ trợ sửa chữa, xây mới 54 căn nhà tình nghĩa, với số tiền là trên 2,7 tỷ đồng; hỗ trợ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt an toàn cho 49.771 lượt hộ nghèo, với số tiền là 659,8 triệu đồng; hỗ trợ tiền điện cho 107.062 lượt hộ, với số tiền 16,1 tỷ đồng; hỗ trợ đào tạo nghề cho 1.070 lao động, với số tiền là 67,7 triệu đồng; hỗ trợ giải quyết việc làm cho 5.378 lao động trong nước, đi làm việc ở nước ngoài cho 03 trường hợp; hỗ trợ Bảo hiểm xã hội tự nguyện cho 3.472 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền 452,65 triệu đồng; hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng cho 359 trường hợp hỏa táng, với số tiền là 799,5 triệu đồng; Hỗ trợ hộ nghèo diện khó khăn cho 589 hộ, với số tiền là hơn 4,1 tỷ đồng; Hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật diện hộ cận nghèo và diện hộ mới thoát mức chuẩn hộ cận nghèo cho 832 lượt học sinh, với số tiền là 562 triệu đồng; Hỗ trợ chi phí học tập cho 35 sinh viên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, với số tiền là 210 triệu đồng; Hỗ trợ cấp học bổng cho 15.134 lượt học sinh, với số tiền là 28,921 tỷ đồng và hỗ trợ tiền ăn cho 24 lượt trẻ, với số tiền là 23 triệu đồng.

Bảo trợ xã hội

Hiện có 15 cơ sở bảo trợ xã hội công lập tiếp nhận, quản lý 6.165 đối tượng; 01 cơ sở giáo dục với 1.212 học sinh và 01 cơ sở đào tạo nghề cho 516 em; Có 58 cơ sở bảo trợ xã hội ngoài công lập 3.019 người đang được nuôi

đường, chăm sóc. Thành phố đã thực hiện trợ cấp xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP cho 135.729 người với số tiền hơn 147,2 tỷ đồng.

Công tác bảo vệ chăm sóc trẻ em

Trên địa bàn Thành phố hiện có 11.168 trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và 17.224 trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt đang sống tại cộng đồng; có 2.513 trẻ em được chăm sóc, nuôi dưỡng tại 60 cơ sở bảo trợ xã hội. Thành phố phối hợp với Quỹ Bảo trợ Trẻ em Việt Nam và các Công đoàn của các đơn vị tài trợ đã trao sổ tiết kiệm cho 117 trẻ em mồ côi do Covid-19, trẻ em gia đình hộ nghèo và trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền gần 2 tỷ đồng và 90 xe đạp với số tiền 360 triệu đồng.

Thực hiện chính sách với người có công

Tính đến nay, có 37.797 lượt người có công và thân nhân người có công được hưởng trợ cấp hàng tháng trên địa bàn Thành phố với tổng kinh phí chi trả khoảng 63,5 tỷ đồng. Trong năm, thực hiện công nhận mới 152 trường hợp, tiếp nhận 624 hồ sơ của người có công và của thân nhân liệt sĩ từ tỉnh, thành phố khác chuyển đến.

Giải quyết mai táng phí và trợ cấp 01 lần cho 1.567 trường hợp, trợ cấp tuất cho 132 trường hợp, tiếp nhận 981 của thân nhân người có công với cách mạng hưởng trợ cấp thờ cúng; soát lập danh sách đề xuất hỗ trợ cho 515 thương, bệnh binh nặng từ 81% trở lên nhận hỗ trợ từ Quỹ Thiện Tâm (thuộc Tập đoàn Vingroup) với số tiền 7,7 tỷ đồng; 551 trường hợp người có công được hưởng trợ cấp theo Nghị quyết số 126/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố với số tiền 13,2 tỷ đồng; thành phố Thủ Đức và 21 quận, huyện, các phường, xã, thị trấn đã tổ chức thăm, tặng quà cho 22.481 người với tổng kinh phí trên 11.935 tỷ đồng; vận động xây dựng, sửa chữa 99 căn nhà tình nghĩa, với tổng kinh phí trên 6,1 tỷ đồng.

Khái quát lại, kinh tế Thành phố trong năm 2022 diễn ra giữa lúc kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu bị mất đà tăng trưởng do các biến chủng mới của Covid-19, chính sách “Zero Covid” của Trung quốc, xung đột Nga – Ukraine khiến giá năng lượng, giá nguyên vật liệu tăng gây áp lực lớn đến lạm phát. Khả năng năm 2023, kinh tế thế giới được hầu hết các tổ chức quốc tế dự báo tăng trưởng chậm lại do cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột Nga – Ukraine không có dấu hiệu hạ nhiệt, thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng ... tiềm ẩn nhiều rủi ro. Việc bảo vệ sức khỏe và ổn định sản xuất, giữ vững an ninh và an sinh xã hội là thách thức đòi hỏi nỗ lực rất lớn của Chính quyền cùng doanh nghiệp và người dân Thành phố. Qua hơn 01 năm thực hiện Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ về quy định tạm thời “thích ứng an toàn, linh hoạt,

kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, tình hình dịch bệnh tại thành phố đã được kiểm soát, tình hình kinh tế - xã hội đã khởi sắc trở lại với nhiều điểm sáng như:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước ước đạt 457.500 tỷ đồng, vượt 18,4% dự toán, tăng 17% so với cùng kỳ. Việc thu ngân sách tốt góp phần đảm bảo nguồn lực cho Thành phố đầu tư hạ tầng giao thông, thúc đẩy tăng trưởng cho năm 2023;

+ Số dự án có vốn nước ngoài được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư tăng cả 03 lĩnh vực gồm: Cấp mới (+41,1%); điều chỉnh vốn (+7,9%); góp vốn, mua lại cổ phần (+5,3%). Tính chung, tổng vốn đầu tư của các dự án có vốn nước ngoài tăng 5,4% so với cùng kỳ, chứng tỏ nhà đầu tư nước ngoài vẫn ưu tiên lựa chọn đầu tư vào Thành phố trong bối cảnh kinh tế, chính trị thế giới đang bất ổn;

+ Hoạt động tín dụng, ngân hàng duy trì và tăng trưởng ổn định, đóng góp một phần cho tăng thu ngân sách nhà nước;

+ Những ngành nghề, lĩnh vực sản xuất kinh doanh có khả năng chuyển đổi số kịp thời, phù hợp với trạng thái “bình thường mới” vẫn giữ nhịp tăng trưởng ổn định như: Thông tin và truyền thông tăng 9,13%; tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 8,77%, dịch vụ hoạt động chuyên môn KHCN tăng 6,04%, giáo dục và đào tạo tăng 5,45%.

Dự báo năm 2023: Tăng trưởng kinh tế Thành phố sẽ chậm dần và thấp hơn so với mức tăng của năm 2022 do tiềm ẩn nguy cơ về đứt gãy đơn hàng, áp lực tăng giá; thế giới vẫn phải đối phó với những bất ổn từ xung đột Nga-Ukraine, khủng hoảng năng lượng và an ninh.

Dự kiến năm 2023 tăng trưởng GRDP của Thành phố từ 7,5% đến 8%. Để Thành phố giữ vững vai trò đầu tàu tăng trưởng kinh tế của khu vực phía Nam và cả nước, cần tập trung giải quyết tốt các nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, tập trung xử lý các điểm nghẽn, nút thắt về đất đai; giải quyết các xung đột pháp lý về thủ tục giao đất, xác định đơn giá đền bù, thủ tục thanh quyết toán xây dựng cơ bản để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công. Trước mắt, ưu tiên tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm giải ngân, đặc biệt chú trọng giải ngân 5 dự án trọng điểm mang tính kết nối vùng: Dự án Metro số 1, Metro số 2, Vành đai 3, nhà ga T3, cao tốc HCM – Mộc Bài.

Hai là, tiếp tục triển khai hiệu quả các gói hỗ trợ của Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, Thành phố đồng hành, tháo gỡ khó khăn về nguồn lực vốn cho doanh nghiệp. Chú trọng phát triển công nghiệp hỗ trợ. Đẩy nhanh việc hình thành Trung tâm tài chính quốc tế Việt Nam đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh. để thu hút nguồn lực bên ngoài đầu tư vào Thành phố.

Ba là, nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động - việc làm, chất lượng đào tạo nghề nhằm cải thiện năng suất lao động; chú trọng thu hút, đãi ngộ nguồn nhân lực ngành y tế, giáo dục, du lịch (vốn bị ảnh hưởng nghiêm trọng do đại dịch). Thực hiện cải cách chế độ công vụ, đổi mới công tác tuyển dụng, quản lý, đào tạo, đánh giá, khen thưởng, thúc đẩy tính chủ động sáng tạo, chịu trách nhiệm trong thực thi công vụ.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng CNTT và truyền thông trong tất cả các hoạt động hành chính của cơ quan Nhà nước, nhất là những nơi thực hiện dịch vụ hành chính công - xem đây là nhiệm vụ cấp bách trong xây dựng chính quyền điện tử phục vụ người dân, từ đó thay đổi tư duy quản lý, phương pháp quản trị điều hành trong toàn xã hội. Tranh thủ thời cơ đẩy nhanh việc số hoá dữ liệu ở tất cả cơ quan, nhất là dữ liệu dân cư, dữ liệu doanh nghiệp. Khuyến khích thành lập doanh nghiệp mới trong các lĩnh vực điện tử, công nghệ thông tin, tài chính, giáo dục, y tế.

Năm là, tăng cường công tác dự báo, kiểm tra và bình ổn giá cả; xây dựng các giải pháp nhằm ứng phó kịp thời với những biến động của thị trường, đặc biệt xu hướng xuất nhập khẩu tại các thị trường lớn của Thành phố; giữ vững ổn định thị trường tài chính, thị trường bất động sản.

Trên đây là tình hình kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh quý IV và năm 2022.

Nơi nhận:

- Tổng cục Thống kê;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở, ban ngành Thành phố;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị thuộc Cục Thống kê;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Khắc Hoàng